TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** **TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 05 /2023/DS-ST Ngày: 09-02-2023 V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà : Bà Lê Thị Lương
Các hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Hải
- Ông Đặng Song Hoàn

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Hoàng Ngọc Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hiên – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 452/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2022, về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2022/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng A
Địa chỉ: Số 266 – 268 đường C, Quận B, Thành phố H.
Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch Q, chức vụ: Tổng giám đốc.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn Y, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng T Chi nhánh X. Theo văn bản ủy quyền số 3161/2021/QĐ-PL ngày 27-12-2021.
Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Trần Thanh M – Chuyên viên quản lý nợ - Phòng kiểm soát rủi ro – Chi nhánh X - Ngân hàng T. Theo giấy ủy quyền số 586/2022/GUQ-CNBRVT ngày 27/07/2022.
Địa chỉ: Số 67A đường P, Phường E, thành phố K, tỉnh X. (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Bà Đoàn Thị W, sinh năm: 1996

Địa chỉ: Số 15/16/3 U, phường F, thành phố K, tỉnh X (vắng mặt lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lập ngày 14-06-2022 và các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn nội dung vụ án như sau:

Ngày 23/07/2019, bà Đoàn Thị W ký với Ngân hàng T – Chi nhánh X (sau đây gọi là Ngân hàng T) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 253/2019/HĐTD và bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Căn cứ thu nhập của bà W, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000đ (mười triệu đồng). Mục đích tiêu dùng cá nhân. Loại thẻ Ladies First, Lãi suất trong hạn là 2,6%/ tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% của lãi suất trong hạn.

Sau khi được cấp thẻ, bà W đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 18.349.000đồng. Quá trình sử dụng thẻ, bà W đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 20.100.000đồng. Do bà W vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 27/09/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 09/02/2023, bị đơn bà W đã sử dụng và nợ số tiền là 7.155.862đồng (Bảy triệu, một trăm năm mươi năm ngàn, tám trăm sáu mươi hai đồng); Nợ lãi quá hạn do vi phạm nghĩa vụ thanh toán là 4.642.197đồng (Bốn triệu, sáu trăm bốn mươi hai ngàn, một trăm chín mươi bảy đồng). Tổng cộng nợ gốc và nợ lãi: 11.798.059đ (Mười một triệu, bảy trăm chín mươi tám ngàn, không trăm năm mươi chín đồng). Nay, ngân hàng khởi kiện yêu cầu buộc bà W thanh toán số nợ nêu trên.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn bà W tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Tham gia phiên tòa xét xử nhưng bà W vẫn vắng mặt không có lý do, đồng thời bà W không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn theo quy định tại Điều 48 BLTTDS năm 2015. Phiên tòa xét xử diễn ra đúng thời gian, địa điểm được thông báo. Quá trình xét xử tuân thủ đúng trình tự quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân, Thư ký thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo luật định.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; Căn cứ tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn bà Đoàn Thị W vắng mặt nhiều lần không lý do, chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K cho rằng phía bị đơn là bà Đoàn Thị W đã ký 01 (một) hợp đồng; Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 253/2019/HĐTD ngày 23/07/2019 với Ngân hàng T, bà Đoàn Thị W đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng T đã khởi kiện yêu cầu bà Đoàn Thị W phải hoàn trả toàn bộ số nợ còn thiếu theo thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng đã ký kết. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp:

Ngân hàng T chi nhánh N và bà Đoàn Thị W có ký kết 01 (một) hợp đồng; Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 253/2019/HĐTD ngày 23/07/2019, nay có tranh chấp về hợp đồng này nên xác định đây là vụ án dân sự, quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự;

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tại hợp đồng, Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 253/2019/HĐTD ngày 23/07/2019 có ghi rõ bà Đoàn Thị W có nơi cư trú tại địa chỉ số 15/16/3 P, phường E, thành phố K, tỉnh N nên căn cứ vào quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh N.

[1.3] Thời hiệu khởi kiện: Các đương sự không yêu cầu xem xét về thời hiệu khởi kiện. Căn cứ vào khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử không giải quyết về thời hiệu khởi kiện.

[1.4]. Sự có mặt, vắng mặt của đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa để tham gia giải quyết vụ án, tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng trên theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy căn cứ vào quy định tại điểm a, b khoản

2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu Tòa án buộc bà Đoàn Thị W thanh toán số tiền gốc và lãi theo hợp đồng; Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 253/2019/HĐTD ngày 23/07/2019 , Hội đồng xét xử thấy:

Vào ngày 23/07/2019, Ngân hàng T – Chi nhánh N và bà Đoàn Thị W ký kết với nhau 01 (một) hợp đồng; Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 253/2019/HĐTD, loại thẻ tín dụng Ladies First, số thẻ 486265-6741, với số tiền hạn mức tín dụng là 10.000.000đ (mười triệu đồng) nhằm sử dụng để chi tiêu cho nhu cầu cá nhân và sau đó không thanh toán sao kê nhiều kỳ cho Ngân hàng, lãi suất trong hạn là 2,6%/ tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất sẽ được Ngân hàng T quyết định điều chỉnh phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về lãi suất cho vay. Đây là hợp đồng vay tài sản và hợp đồng này thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và quy định của Luật Các tổ chức tín dụng nên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên, buộc các bên tham gia giao dịch phải tuân thủ thực hiện.

Sau khi được cấp thẻ, bà W đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 18.349.000đồng và bà W đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 20.100.000đồng. Từ ngày 27/09/2021, bà W không thanh toán gốc và lãi cho ngân hàng vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Ngày 27/09/2021, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn phù hợp với Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Do đó Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký, phù hợp quy định của các điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên cần chấp nhận. Buộc bị đơn phải trả số tiền còn nợ tính đến ngày 09/02/2023 là tổng cộng nợ gốc và nợ lãi: 11.798.059đ (Mười một triệu, bảy trăm chín mươi tám ngàn, không trăm năm mươi chín đồng), trong đó nợ gốc 7.155.862đồng (Bảy triệu, một trăm năm mươi năm ngàn, tám trăm sáu mươi hai đồng), lãi quá hạn 4.642.197đồng (Bốn triệu, sáu trăm bốn mươi hai ngàn, một trăm chín mươi bảy đồng). Kể từ ngày 10/02/2023, bà Đoàn Thị W phải tiếp tục chịu tiền lãi theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

[2.2] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K phát biểu ý kiến việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền là 11.798.059đ (Mười một triệu, bảy trăm chín mươi tám ngàn, không trăm năm mươi chín đồng), trong đó nợ gốc 7.155.862đồng (Bảy triệu, một trăm năm mươi năm ngàn, tám trăm sáu mươi hai đồng), lãi quá hạn 4.642.197đồng (Bốn triệu, sáu trăm bốn mươi hai ngàn, một trăm chín mươi bảy đồng) ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 589.903đồng (Năm trăm tám mươi chín ngàn, chín trăm lẻ ba đồng).

Đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 179, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 90 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T.

Buộc bà Đoàn Thị W hoàn trả cho Ngân hàng T là 11.798.059đ (Mười một triệu, bảy trăm chín mươi tám ngàn, không trăm năm mươi chín đồng), trong đó nợ gốc 7.155.862đồng (Bảy triệu, một trăm năm mươi năm ngàn, tám trăm sáu mươi hai đồng), lãi quá hạn 4.642.197đồng (Bốn triệu, sáu trăm bốn mươi hai ngàn, một trăm chín mươi bảy đồng).

Bà Đoàn Thị W phải tiếp tục chịu tiền lãi theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 10/02/2023 cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đoàn Thị W phải chịu 589.903đồng (Năm trăm tám mươi chín ngàn, chín trăm lẻ ba đồng).

Ngân hàng T được nhận lại 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003429 ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K, tỉnh N.

3. Nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng; Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 253/2019/HĐTD ngày 23-07-2019 của Ngân hàng T cho đến khi thanh toán hết nợ nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt quyền kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh N xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh N;
- VKSND thành phố K;
- Chi cục THADS T.P K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Lương

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN TÒA

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- **TÒA**
- VKSND thành phố Vũng Tàu;
- Chi cục THADS T.P Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN